

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1
(Đợt thi 27,28 tháng 12 năm 2025)**

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2025)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA2512001	23810620064	Đỗ Trường	An	06/10/2005	0,0	12,0	0,0	0,0	12,0	
2	TA2512002	20810170400	Nguyễn Thành	An	27/12/2002	13,0	17,0	27,5	20,0	77,5	
3	TA2512003	21810230433	Bạch Nhật	Anh	09/07/2003	8,0	14,0	21,5	22,0	65,5	
4	TA2512004	21810230402	Dương Thị Lan	Anh	27/06/2003	15,0	18,0	25,5	22,0	80,5	
5	TA2512005	21819100007	Đinh Tuấn	Anh	14/03/2003	16,0	13,0	21,5	17,0	67,5	
6	TA2512006	21810520551	Hoàng Thế	Anh	19/12/2003	19,0	15,0	23,0	22,0	79,0	
7	TA2512007	21819150375	Ngô Quốc	Anh	11/08/2003	16,0	6,0	17,0	22,0	61,0	
8	TA2512008	21810310042	Nguyễn Hữu Việt	Anh	13/02/2003	18,0	20,0	26,5	21,0	85,5	
9	TA2512009	21810410472	Nguyễn Ngọc	Anh	10/06/2003	17,0	15,0	30,0	19,0	81,0	
10	TA2512010	21810620435	Nguyễn Thành	Anh	11/08/2003	15,0	12,0	29,0	18,0	74,0	
11	TA2512011	20810430288	Nguyễn Việt	Anh	08/09/2002	21,0	18,0	25,5	22,0	86,5	
12	TA2512012	20810000497	Phạm Văn Tuấn	Anh	12/06/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
13	TA2512013	21810110266	Trần Nam	Anh	09/04/2003	13,0	11,0	20,5	19,0	63,5	
14	TA2512014	21810310415	Vì Tuấn	Anh	07/05/2002	14,0	11,0	29,0	19,0	73,0	
15	TA2512015	21810610385	Nguyễn Hải	Bảo	18/01/2003	16,0	12,0	25,5	19,0	72,5	
16	TA2512016	21810430643	Võ Quang	Bảo	16/11/2003	16,0	16,0	30,0	19,0	81,0	
17	TA2512017	21810610373	Nguyễn Đức	Cảnh	20/07/2003	15,0	16,0	28,5	19,0	78,5	
18	TA2512018	21819110004	Phạm Hồng	Công	14/05/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
19	TA2512019	20810160497	Phạm Thành	Công	15/12/2002	14,0	11,0	27,5	22,0	74,5	
20	TA2512020	21810610482	Đinh Thế	Cương	26/12/2003	16,0	16,0	25,0	18,0	75,0	
21	TA2512021	21810610523	Lê Ngọc	Châu	12/10/2003	19,0	14,0	19,5	23,0	75,5	
22	TA2512022	21810610529	La Đức	Chính	28/02/2003	19,0	19,0	20,5	23,0	81,5	
23	TA2512023	21810410092	Nguyễn Anh	Chuyên	19/09/2003	15,0	10,0	26,5	18,0	69,5	
24	TA2512024	21810680405	Đặng Minh	Dũng	02/05/2003	15,0	9,0	18,0	15,0	57,0	
25	TA2512025	21810410067	Lê Tiến	Dũng	06/12/2003	15,0	11,0	21,5	22,0	69,5	
26	TA2512026	21810610374	Nguyễn Tuấn	Dũng	27/02/2003	18,0	13,0	22,5	21,0	74,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
27	TA2512027	21810350339	Trần Việt	Dũng	15/11/2003	15,0	15,0	21,5	21,0	72,5	
28	TA2512028	21810110272	Lê Tiến	Duy	29/07/2003	18,0	12,0	20,5	21,0	71,5	
29	TA2512029	23810620070	Trần Quang	Duy	05/05/2005	17,0	12,0	25,5	23,0	77,5	
30	TA2512030	21810620579	Đỗ Hoàng	Dương	28/11/2003	15,0	8,0	25,0	20,0	68,0	
31	TA2512031	21810610029	Trần Việt	Dương	19/08/2003	0,0	13,0	20,5	0,0	33,5	
32	TA2512032	23810000034	Nguyễn Linh	Đan	10/02/2005	14,0	10,0	26,5	21,0	71,5	
33	TA2512033	20810410053	Đỗ Tiến	Đạt	18/02/2002	15,0	14,0	28,5	21,0	78,5	
34	TA2512034	21810610434	Nguyễn Tiến	Đạt	03/10/2003	15,0	18,0	22,5	23,0	78,5	
35	TA2512035	20810340165	Nguyễn Thành	Đạt	28/01/2002	17,0	15,0	25,5	22,0	79,5	
36	TA2512036	21810610065	Phạm Tuấn	Đạt	06/01/2003	18,0	16,0	25,5	20,0	79,5	
37	TA2512037	21810110481	Bùi Hải	Đăng	09/11/2003	15,0	18,0	26,5	20,0	79,5	
38	TA2512038	21810170243	Nguyễn Hải	Đăng	01/04/2003	16,0	9,0	25,0	20,0	70,0	
39	TA2512039	21810110216	Bạch Tiến	Định	18/07/2003	19,0	15,0	20,5	21,0	75,5	
40	TA2512040	21810680417	Trương Đăng	Đô	21/01/2003	16,0	9,0	21,5	18,0	64,5	
41	TA2512041	21810170501	Đào Minh	Đức	11/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
42	TA2512042	21810440669	Nguyễn Anh	Đức	18/10/2003	19,0	14,0	25,0	22,0	80,0	
43	TA2512043	21810410011	Nguyễn Minh	Đức	30/12/2003	19,0	19,0	24,0	22,0	84,0	
44	TA2512044	20810610247	Nguyễn Văn	Đức	25/11/2002	19,0	11,0	20,5	21,0	71,5	
45	TA2512045	21819120184	Trần Minh	Đức	09/11/2003	18,0	14,0	24,0	21,0	77,0	
46	TA2512046	21810230430	Nguyễn Thu	Giang	05/03/2003	15,0	16,0	15,5	17,0	63,5	
47	TA2512047	21810620475	Hoàng Văn	Hải	11/06/2003	19,0	10,0	25,5	21,0	75,5	
48	TA2512048	Thí sinh tự do	Vũ Thanh	Hải	10/06/1975	22,0	17,0	25,5	20,0	84,5	
49	TA2512049	21810510414	Hán Thị Mỹ	Hạnh	18/05/2003	18,0	13,0	23,0	23,0	77,0	
50	TA2512050	21810170535	Nguyễn Văn	Hậu	07/01/2003	23,0	13,0	28,5	23,0	87,5	
51	TA2512051	20810170413	Đỗ Trọng	Hiền	28/02/2002	20,0	14,0	27,5	22,0	83,5	
52	TA2512052	20810840022	Nguyễn Minh	Hiền	18/10/2002	19,0	15,0	30,0	19,0	83,0	
53	TA2512053	20810430368	Nguyễn Huy	Hiệp	27/02/2002	14,0	15,0	28,5	23,0	80,5	
54	TA2512054	21810310177	Đặng Quang	Hiếu	15/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
55	TA2512055	21810710391	Lê Minh	Hiếu	05/08/2003	16,0	15,0	25,0	17,0	73,0	
56	TA2512056	23819150041	Nguyễn Quang	Hiếu	26/10/2005	15,0	13,0	17,0	17,0	62,0	
57	TA2512057	21819120119	Phạm Minh	Hiếu	04/05/2003	16,0	14,0	24,0	19,0	73,0	
58	TA2512058	23810710072	Trần Thị Hồng	Hoa	16/01/2005	17,0	14,0	25,5	20,0	76,5	
59	TA2512059	21810540478	Đỗ Quang Trần	Hoàn	10/11/2003	16,0	17,0	25,5	20,0	78,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
60	TA2512060	21810170517	Dương Ngô	Hoàng	01/02/2003	19,0	14,0	28,5	20,0	81,5	
61	TA2512061	19810310516	Lê Vũ	Hoàng	03/10/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
62	TA2512062	21810110159	Nguyễn Hữu	Hoàng	06/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
63	TA2512063	21810350570	Vũ Việt	Hoàng	31/01/2003	21,0	18,0	8,5	21,0	68,5	
64	TA2512064	21810430448	Nguyễn Sỹ	Huân	06/03/2003	20,0	13,0	28,5	22,0	83,5	
65	TA2512065	20810000197	Nguyễn Bá	Hùng	24/09/2002	21,0	15,0	23,0	22,0	81,0	
66	TA2512066	20810310511	Nguyễn Duy	Hùng	11/02/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
67	TA2512067	21810610511	Trần Huy	Hùng	04/09/2003	20,0	15,0	23,0	21,0	79,0	
68	TA2512068	20810610242	Hoàng Văn	Huy	22/07/2002	21,0	14,0	30,0	22,0	87,0	
69	TA2512069	21810170330	Nguyễn Văn	Huy	18/11/2003	21,0	13,0	26,5	21,0	81,5	
70	TA2512070	21810230365	Vũ Quang	Huy	01/11/2003	21,0	20,0	26,5	23,0	90,5	
71	TA2512071	21810310136	Đỗ Thị Ánh	Huyền	30/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
72	TA2512072	21810110447	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/08/2003	15,0	15,0	13,0	21,0	64,0	
73	TA2512073	21810310082	Hồ Công	Hưng	28/01/2003	18,0	15,0	25,5	19,0	77,5	
74	TA2512074	21810410034	Nguyễn Tuấn	Hưng	25/08/2003	13,0	13,0	25,0	13,0	64,0	
75	TA2512075	21810440719	Tạ Duy	Hưng	27/08/2003	12,0	18,0	22,5	22,0	74,5	
76	TA2512076	20810830233	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/11/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
77	TA2512077	21810410131	Ngô Trung	Kiên	06/10/2003	14,0	15,0	19,0	21,0	69,0	
78	TA2512078	21810610412	Nguyễn Văn	Khanh	21/10/2003	12,0	19,0	26,5	22,0	79,5	
79	TA2512079	21810430682	Cao Hữu	Khánh	04/08/2003	20,0	15,0	19,0	20,0	74,0	
80	TA2512080	21819120183	Mai Đình	Khánh	13/01/2003	18,0	13,0	26,5	14,0	71,5	
81	TA2512081	21810620580	Nguyễn Viết	Khánh	28/04/2003	3,0	11,0	26,5	15,0	55,5	
82	TA2512082	20810510071	Dương Văn	Khiêm	25/06/2001	4,0	8,0	25,5	19,0	56,5	
83	TA2512083	20810510070	Nguyễn Hữu	Lam	01/09/2002	4,0	14,0	25,5	23,0	66,5	
84	TA2512084	21810110518	Nguyễn Xuân	Lâm	30/07/2003	4,0	19,0	23,0	20,0	66,0	
85	TA2512085	21810710136	Dương Phương	Linh	30/11/2003	25,0	14,0	10,5	21,0	70,5	
86	TA2512086	Thí sinh tự do	Nguyễn Tùng	Linh	15/06/1991	21,0	17,0	27,5	21,0	86,5	
87	TA2512087	20810000054	Nguyễn Văn	Linh	28/02/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
88	TA2512088	21810430415	Phan Thuỳ	Linh	04/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
89	TA2512089	21819120121	Lê Văn	Long	12/02/2003	20,0	16,0	20,5	20,0	76,5	
90	TA2512090	19810710103	Nguyễn Xuân	Long	31/07/2001	7,0	17,0	29,0	22,0	75,0	
91	TA2512091	21810430717	Trần Thanh	Lộc	19/11/2003	14,0	13,0	28,5	22,0	77,5	
92	TA2512092	20810430361	Đào Xuân	Lương	05/04/2001	10,0	14,0	28,5	19,0	71,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
93	TA2512093	21810230486	Nguyễn Vũ Phương	Ly	25/12/2003	20,0	20,0	25,0	23,0	88,0	
94	TA2512094	21810570486	Lê Văn	Mạnh	13/02/2003	20,0	17,0	24,0	22,0	83,0	
95	TA2512095	18810310409	Phạm Doãn	Mạnh	19/08/2000	10,0	14,0	30,0	21,0	75,0	
96	TA2512096	19810310148	Vũ Văn	Mạnh	06/06/2001	16,0	17,0	18,0	20,0	71,0	
97	TA2512097	21810310643	Nguyễn Thế	Minh	26/05/2003	20,0	17,0	28,5	23,0	88,5	
98	TA2512098	21810550434	Phạm Bình	Minh	16/01/2003	18,0	15,0	19,0	22,0	74,0	
99	TA2512099	20819120049	Trịnh Công	Minh	14/09/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
100	TA2512100	21810230057	Vũ Nhật	Minh	19/03/2003	8,0	15,0	17,0	19,0	59,0	
101	TA2512101	21810810149	Mai Ngọc	Nam	08/06/2003	11,0	16,0	25,5	17,0	69,5	
102	TA2512102	21810310086	Nguyễn Phương	Nam	07/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
103	TA2512103	21810110378	Hoàng Đình	Ninh	22/11/2003	14,0	14,0	25,5	19,0	72,5	
104	TA2512104	21810170320	Nguyễn Duy	Ninh	13/06/2003	8,0	14,0	24,0	19,0	65,0	
105	TA2512105	21810610455	Đình Công	Nghĩa	12/03/2003	15,0	15,0	20,5	18,0	68,5	
106	TA2512106	20819120018	Vũ Văn	Nghiệp	01/09/2002	15,0	15,0	22,5	21,0	73,5	
107	TA2512107	21810610014	Nguyễn Thế	Ngọc	27/07/2003	10,0	17,0	30,0	19,0	76,0	
108	TA2512108	21810410118	Hoàng Văn	Nhật	09/08/2003	15,0	11,0	28,5	19,0	73,5	
109	TA2512109	21810440378	Bạch Vũ	Phong	13/09/2003	17,0	14,0	29,0	23,0	83,0	
110	TA2512110	21810620517	Nguyễn Văn	Phong	07/09/2003	0,0	18,0	0,0	0,0	18,0	
111	TA2512111	21810610456	Phạm Lê	Phong	23/07/2025	9,0	18,0	20,5	18,0	65,5	
112	TA2512112	21810310344	Cao Minh	Phúc	16/12/2003	20,0	13,0	30,0	23,0	86,0	
113	TA2512113	19810810101	Đặng Vũ Hồng	Phúc	7/19/0201	20,0	18,0	29,0	20,0	87,0	
114	TA2512114	21810430705	Đỗ Mạnh	Quang	19/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
115	TA2512115	21810110137	Nguyễn Văn	Quang	13/03/2003	13,0	14,0	26,5	23,0	76,5	
116	TA2512116	21810820230	Cao Hồng	Quân	09/05/2003	8,0	12,0	22,5	9,0	51,5	
117	TA2512117	20810710006	Nguyễn Minh	Quân	08/07/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
118	TA2512118	20810310281	Nguyễn Trung	Quân	16/05/2002	10,0	20,0	27,5	21,0	78,5	
119	TA2512119	20810510103	Nguyễn Anh	Quốc	12/02/2002	21,0	14,0	19,5	21,0	75,5	
120	TA2512120	21810310097	Nguyễn Thế	Quý	17/11/2003	18,0	15,0	25,5	21,0	79,5	
121	TA2512121	21810110450	Nguyễn Trần Quân	Quyền	08/05/2003	18,0	12,0	23,0	22,0	75,0	
122	TA2512122	21810410667	Bùi Đình	Sáng	20/10/2003	0,0	14,0	0,0	0,0	14,0	
123	TA2512123	21810230420	Lê Trường	Sơn	15/11/2003	17,0	14,0	28,5	22,0	81,5	
124	TA2512124	21810680421	Nguyễn Thanh	Sơn	13/05/2003	18,0	16,0	16,5	22,0	72,5	
125	TA2512125	20819120044	Mai Đình	Tài	22/10/2002	18,0	17,0	30,0	21,0	86,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
126	TA2512126	21810620545	Đinh Việt	Tiến	24/12/2003	18,0	15,0	22,5	18,0	73,5	
127	TA2512127	21810620554	Nguyễn Minh	Tiến	01/02/2003	0,0	13,0	0,0	0,0	13,0	
128	TA2512128	21810170323	Bùi Văn	Tiện	13/09/2003	15,0	6,0	27,5	10,0	58,5	
129	TA2512129	21810430450	Trần Văn	Toàn	25/12/2003	16,0	14,0	29,0	13,0	72,0	
130	TA2512130	21810110411	Lê Anh	Tú	14/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
131	TA2512131	21810310644	Bùi Duy	Tuấn	03/10/2003	16,0	19,0	29,0	21,0	85,0	
132	TA2512132	21810170315	Hoàng Kim Huy	Tuấn	16/10/2003	9,0	13,0	25,5	21,0	68,5	
133	TA2512133	21819110026	Lê Trọng	Tuấn	10/02/2003	14,0	14,0	25,5	19,0	72,5	
134	TA2512134	21810620381	Phạm Văn	Tuấn	24/08/2003	15,0	15,0	25,5	22,0	77,5	
135	TA2512135	21810620061	Vũ Trọng	Tuấn	02/10/2003	14,0	15,0	28,5	20,0	77,5	
136	TA2512136	20810310476	Nguyễn Khánh	Tùng	26/12/2002	13,0	18,0	24,0	12,0	67,0	
137	TA2512137	21810620003	Phạm Thanh	Tùng	09/06/2003	20,0	14,0	22,5	13,0	69,5	
138	TA2512138	21810430537	Bùi Trung	Tuyến	21/11/2003	14,0	18,0	21,5	18,0	71,5	
139	TA2512139	21810680431	Chu Lê Xuân	Thành	19/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
140	TA2512140	21810410071	Phùng Văn	Thành	31/03/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
141	TA2512141	21810610509	Nguyễn Văn	Thắng	15/09/2003	18,0	15,0	16,5	18,0	67,5	
142	TA2512142	21810620006	Bùi Đức	Thắng	16/10/2003	16,0	14,0	24,0	18,0	72,0	
143	TA2512143	21810430639	Nguyễn Hữu	Thắng	20/10/2003	11,0	15,0	21,5	18,0	65,5	
144	TA2512144	21810610398	Vương Xuân	Thắng	03/11/2003	10,0	14,0	7,5	18,0	49,5	
145	TA2512145	21810310659	Nguyễn Văn	Thuận	04/03/2003	2,0	13,0	15,5	18,0	48,5	
146	TA2512146	20819120011	Bùi Đình	Thủy	12/12/2002	11,0	11,0	27,5	21,0	70,5	
147	TA2512147	21810610451	Lê Văn	Thủy	30/06/2003	18,0	15,0	17,0	18,0	68,0	
148	TA2512148	20810110248	Nguyễn Quốc	Trọng	26/12/2001	18,0	14,0	14,5	18,5	46,5	
149	TA2512149	21810610034	Lê Ngọc	Trung	31/07/2003	22,0	13,0	11,0	19,0	65,0	
150	TA2512150	20810610252	Trần Quang	Trung	22/10/2002	18,0	15,0	14,5	18,0	65,5	
151	TA2512151	21810410037	Đỗ Văn	Trường	26/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
152	TA2512152	20810410077	Nguyễn Minh	Việt	13/06/2002	20,0	14,0	11,0	20,0	65,0	
153	TA2512153	20810430324	Lê Công	Vương	03/09/2002	18,0	18,0	16,5	19,0	71,5	
154	TA2512154	21810320503	Hoàng Minh	An	03/07/2003	5,0	9,0	7,5	19,0	40,5	
155	TA2512155	23819140020	Nguyễn Văn	An	26/08/2005	12,0	15,0	15,5	21,0	63,5	
156	TA2512156	21810620564	Bùi Đức	Anh	08/05/2003	7,0	10,0	8,5	13,0	38,5	
157	TA2512157	21810230497	Dương Thị Vân	Anh	15/10/2003	16,0	10,0	22,5	18,0	66,5	
158	TA2512158	21810310381	Đỗ Đức Nhật	Anh	13/09/2003	16,0	7,0	22,5	20,0	65,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
159	TA2512159	21810610032	Lê Thạch	Anh	13/11/2003	17,0	10,0	7,5	18,0	52,5	
160	TA2512160	20810420015	Ngô Tuấn	Anh	05/08/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
161	TA2512161	21810610056	Nguyễn Lê Hà	Anh	01/11/2003	15,0	8,0	8,5	17,0	48,5	
162	TA2512162	18810310494	Nguyễn Tuấn	Anh	22/01/2000	13,0	17,0	21,5	21,0	72,5	
163	TA2512163	21810340581	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/05/2003	3,0	16,0	15,5	17,0	51,5	
164	TA2512164	21810310464	Phạm Lan	Anh	14/10/2003	10,0	8,0	25,5	16,0	59,5	
165	TA2512165	21810430730	Tổng Phạm Duy	Anh	06/10/2003	16,0	14,0	16,5	19,0	65,5	
166	TA2512166	21810310435	Trần Thế	Anh	30/06/2003	14,0	11,0	7,0	16,0	48,0	
167	TA2512167	21810510039	Vũ Hoàng	Anh	26/07/2003	14,0	18,0	19,5	20,0	71,5	
168	TA2512168	Thí sinh tự do	Hoàng Ngọc	Bách	01/06/1987	20,0	10,0	26,5	18,0	74,5	
169	TA2512169	21810540522	Nguyễn Văn	Báu	28/09/2003	7,0	8,0	0,0	1,0	16,0	
170	TA2512170	20810310399	Nguyễn Bá Chí	Công	29/04/2002	14,0	15,0	27,5	21,0	77,5	
171	TA2512171	21810410396	Trần Hữu	Cường	21/09/2003	7,0	11,0	13,5	16,0	47,5	
172	TA2512172	21810110088	Trịnh Ngọc Linh	Chi	30/11/2003	6,0	16,0	17,0	15,0	54,0	
173	TA2512173	21810180500	Nguyễn Minh	Chiến	06/05/2003	16,0	8,0	15,5	20,0	59,5	
174	TA2512174	21810430511	Hồ Đức	Chương	01/04/2003	6,0	15,0	30,0	18,0	69,0	
175	TA2512175	21810310411	Đinh Lân	Dũng	23/01/2003	18,0	13,0	11,0	12,0	54,0	
176	TA2512176	21810310666	Mai Trung	Dũng	16/01/2003	18,0	20,0	24,0	22,0	84,0	
177	TA2512177	21819100001	Nguyễn Ngọc	Dũng	29/05/2003	15,0	13,0	13,5	17,0	58,5	
178	TA2512178	21810620005	Võ Anh	Dũng	30/04/2003	11,0	17,0	25,5	18,0	71,5	
179	TA2512179	20810320099	Nguyễn Mạnh	Duy	04/09/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
180	TA2512180	21810410128	Vũ Thế	Duy	24/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
181	TA2512181	21810440461	Đới Hồng	Dương	29/07/2003	14,0	7,0	28,5	21,0	70,5	
182	TA2512182	20810160568	Nguyễn Hoàng	Dương	13/09/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
183	TA2512183	21810410539	Ngô Quang	Đạo	24/02/2003	10,0	8,0	0,0	6,0	24,0	
184	TA2512184	21810230066	Đỗ Quang	Đạt	28/12/2003	18,0	11,0	16,5	1,0	46,5	
185	TA2512185	21810620572	Nguyễn Tiên	Đạt	14/02/2003	12,0	4,0	27,5	17,0	60,5	
186	TA2512186	21810310145	Phạm Thế	Đạt	02/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
187	TA2512187	21810610027	Trần Tuấn	Đạt	01/04/2003	7,0	15,0	28,5	12,0	62,5	
188	TA2512188	21810430519	Đỗ Hải	Đăng	01/01/2003	0,0	4,0	0,0	0,0	4,0	
189	TA2512189	21810310582	Nguyễn Văn	Đăng	01/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
190	TA2512190	23810680036	Đinh Xuân	Đoàn	24/09/2005	13,0	10,0	27,5	20,0	70,5	
191	TA2512191	21810110505	Lý Đình	Độ	12/11/2003	12,0	7,0	10,5	19,0	48,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
192	TA2512192	21810110094	Đặng Đình	Đức	03/10/2003	5,0	11,0	25,0	14,0	55,0	
193	TA2512193	21810510053	Nguyễn Anh	Đức	22/04/2003	13,0	17,0	21,5	21,0	72,5	
194	TA2512194	21810310416	Nguyễn Minh	Đức	05/06/2003	6,0	9,0	17,0	14,0	46,0	
195	TA2512195	21810430365	Nguyễn Văn	Đức	14/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
196	TA2512196	21819110011	Phạm Văn	Đức	04/02/2003	4,0	6,0	23,0	18,0	51,0	
197	TA2512197	Thí sinh tự do	Phạm Thu	Hà	26/06/1996	5,0	13,0	0,0	19,0	37,0	VPQC kỹ năng đọc
198	TA2512198	21810430603	Nguyễn Đức	Hải	02/04/2003	4,0	9,0	26,5	18,0	57,5	
199	TA2512199	21810110127	Tàng Thanh	Hải	16/11/2003	5,0	11,0	20,5	16,0	52,5	
200	TA2512200	21810110089	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/11/2003	5,0	10,0	25,5	15,0	55,5	
201	TA2512201	23810230207	Hoàng Thị	Hiền	18/05/2005	1,0	9,0	26,5	16,0	52,5	
202	TA2512202	21810540377	Hà Ngọc	Hiền	06/10/2003	4,0	3,0	8,5	3,0	18,5	
203	TA2512203	23810510141	Nguyễn Văn	Hiệp	29/06/2005	0,0	7,0	16,5	19,0	42,5	
204	TA2512204	21810310073	Cao Hoàng	Hiếu	11/03/2003	6,0	14,0	23,0	17,0	60,0	
205	TA2512205	21810310333	Hoàng Xuân	Hiếu	02/08/2003	8,0	6,0	23,0	13,0	50,0	
206	TA2512206	21810310098	Nguyễn Minh	Hiếu	25/09/2003	8,0	20,0	26,5	16,0	70,5	
207	TA2512207	21810610368	Nguyễn Văn	Hiếu	08/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
208	TA2512208	21810310334	Phạm Minh	Hiếu	08/01/2003	9,0	16,0	23,0	20,0	68,0	
209	TA2512209	21810180212	Ngô Sỹ	Hoà	10/11/2003	6,0	8,0	17,0	18,0	49,0	
210	TA2512210	21810430697	Lê Văn	Hoàn	29/04/2003	10,0	13,0	21,5	17,0	61,5	
211	TA2512211	21810610023	Đặng Văn	Hoàng	01/06/2003	8,0	10,0	13,0	19,0	50,0	
212	TA2512212	21810310403	Nguyễn Huy	Hoàng	28/03/2003	3,0	7,0	28,5	21,0	59,5	
213	TA2512213	21810180258	Nguyễn Ngọc	Hoàng	29/09/2003	4,0	11,0	18,0	20,0	53,0	
214	TA2512214	21810170402	Lê Huy	Hoạt	30/06/2003	4,0	10,0	18,0	21,0	53,0	
215	TA2512215	20810000079	Trần Thị	Huế	06/12/2002	6,0	8,0	27,5	19,0	60,5	
216	TA2512216	20810170365	Nguyễn Đức	Hùng	06/07/2002	4,0	8,0	13,5	18,0	43,5	
217	TA2512217	21810610011	Trần Tuấn	Hùng	24/01/2003	5,0	8,0	10,5	14,0	37,5	
218	TA2512218	21819120181	Đào Công Tuấn	Huy	12/12/2003	7,0	14,0	25,5	19,0	65,5	
219	TA2512219	21810680522	Hoàng Quốc	Huy	19/07/2003	4,0	11,0	22,5	21,0	58,5	
220	TA2512220	21810110181	Nguyễn Bùi Xuân	Huy	28/03/2003	8,0	15,0	19,5	15,0	57,5	
221	TA2512221	21810310425	Nguyễn Quang	Huy	19/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
222	TA2512222	21810110013	Thiều Quang	Huy	28/09/2003	5,0	8,0	27,5	16,0	56,5	
223	TA2512223	23810860038	Nguyễn Hà Ngọc	Huyền	28/11/2005	5,0	18,0	21,5	17,0	61,5	
224	TA2512224	21819100006	Lâm Viết	Huỳnh	19/11/2003	2,0	13,0	25,5	14,0	54,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
225	TA2512225	21810310359	Lưu Đình	Hung	22/12/2003	7,0	20,0	20,5	19,0	66,5	
226	TA2512226	19810430077	Nguyễn Văn	Hung	22/02/2001	7,0	15,0	21,5	15,0	58,5	
227	TA2512227	21810310022	Tạ Văn Thành	Hung	05/06/2003	8,0	16,0	25,5	15,0	64,5	
228	TA2512228	21810310556	Bùi Trung	Kiên	11/03/2003	6,0	17,0	19,5	13,0	55,5	
229	TA2512229	21810430776	Nguyễn Trí	Kiên	02/12/2002	9,0	17,0	17,0	10,0	53,0	
230	TA2512230	20810000333	Nguyễn Văn	Kiều	01/11/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
231	TA2512231	21810230015	Đình Lâm	Khánh	18/09/2002	8,0	17,0	21,5	20,0	66,5	
232	TA2512232	21810170521	Nguyễn Duy	Khánh	13/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
233	TA2512233	21810620521	Trần Duy	Khánh	24/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
234	TA2512234	21810230034	Kiều Đức	Khoa	10/01/2003	7,0	15,0	0,0	0,0	22,0	
235	TA2512235	23810710036	Nguyễn Ánh	Lâm	17/01/2005	6,0	17,0	21,5	20,0	64,5	
236	TA2512236	21810430532	Trần Tùng	Lâm	12/07/2003	9,0	18,0	20,5	22,0	69,5	
237	TA2512237	23810540103	Mai Thành	Lập	12/07/2005	8,0	14,0	15,5	21,0	58,5	
238	TA2512238	21810230451	Đỗ Khánh	Linh	22/09/2003	8,0	20,0	26,5	22,0	76,5	
239	TA2512239	21810520538	Vương Thị Thùy	Linh	30/09/2003	5,0	14,0	13,5	14,0	46,5	
240	TA2512240	21810440763	Đào Hải	Long	21/03/2003	5,0	13,0	13,5	14,0	45,5	
241	TA2512241	21810110475	Mai Thế	Long	22/03/2003	6,0	19,0	20,5	16,0	61,5	
242	TA2512242	18810810061	Phạm Xuân	Long	20/10/2000	15,0	17,0	20,5	12,5	65,0	
243	TA2512243	21810110096	Nguyễn Xuân	Lộc	16/07/2003	9,0	18,0	14,5	23,0	64,5	
244	TA2512244	21810820117	Tạ Minh	Lợi	17/04/2003	12,0	18,0	20,5	21,0	71,5	
245	TA2512245	23810710099	Ngô Thị	Mai	25/05/2005	9,0	17,0	13,5	19,0	58,5	
246	TA2512246	21810430501	Nguyễn Thế	Mạnh	20/11/2003	8,0	15,0	21,5	20,0	64,5	
247	TA2512247	20810340245	Vũ Đức	Mạnh	02/11/2002	1,0	13,0	19,5	23,0	56,5	
248	TA2512248	20810310292	Nguyễn Đăng	Minh	09/12/2002	8,0	16,0	22,5	20,0	66,5	
249	TA2512249	21810440606	Nguyễn Trọng	Minh	14/10/2003	8,0	15,0	20,5	23,0	66,5	
250	TA2512250	21810310527	Phạm Ngọc Bảo	Minh	01/02/2003	7,0	18,0	20,5	23,0	68,5	
251	TA2512251	20810340178	Trần Quang	Minh	01/07/2002	3,0	14,0	13,0	20,0	50,0	
252	TA2512252	21810620531	Nguyễn Đắc	Mùi	18/04/2003	3,0	15,0	15,5	19,0	52,5	
253	TA2512253	21810310038	Đoàn Phương	Nam	24/04/2003	9,0	19,0	22,5	19,0	69,5	
254	TA2512254	21810570498	Nguyễn Tự	Nam	06/11/2003	6,0	16,0	14,5	16,0	52,5	
255	TA2512255	21819110036	Ninh Thị	Nga	19/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
256	TA2512256	21810230421	Nguyễn Hồng	Ngọc	26/08/2003	8,0	16,0	13,5	17,0	54,5	
257	TA2512257	20810810096	Trần Hải	Ngọc	01/10/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
258	TA2512258	21810680409	Trịnh	Nguyễn	17/08/2003	3,0	12,0	10,5	22,0	47,5	
259	TA2512259	21810310173	Đỗ Văn	Nhân	31/05/2002	4,0	13,0	10,5	22,0	49,5	
260	TA2512260	21810310126	Đỗ Văn	Phong	20/08/2003	7,0	14,0	20,5	21,0	62,5	
261	TA2512261	23810680133	Tiêu Hà	Phong	03/09/2005	5,0	13,0	16,5	22,0	56,5	
262	TA2512262	21810310384	Nguyễn Gia	Phúc	09/07/2003	9,0	18,0	25,5	20,0	72,5	
263	TA2512263	21810710348	Nguyễn Thị	Phương	08/09/2003	5,0	14,0	8,5	19,0	46,5	
264	TA2512264	21810430636	Đỗ Vĩnh	Quang	02/12/2003	7,0	15,0	20,5	20,0	62,5	
265	TA2512265	21810310633	Nguyễn Đức	Quang	24/05/2003	4,0	10,0	16,5	21,0	51,5	
266	TA2512266	21810430685	Nguyễn Văn	Quang	06/01/2003	5,0	14,0	22,5	21,0	62,5	
267	TA2512267	21810310432	Đỗ Hồng	Quân	29/03/2003	8,0	15,0	18,0	22,0	63,0	
268	TA2512268	21810410068	Đỗ Tiến	Quý	05/07/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
269	TA2512269	20810430351	Nguyễn Đức	Quý	22/06/2002	8,0	15,0	15,5	23,0	61,5	
270	TA2512270	21810310506	Nguyễn Trọng	Quý	07/07/2003	7,0	14,0	15,5	5,0	41,5	
271	TA2512271	21810620019	Nguyễn Văn	Quyên	29/06/2003	7,0	14,0	7,0	2,0	30,0	
272	TA2512272	21810310587	Trần Văn	Sinh	24/05/2003	6,0	12,0	7,0	5,0	30,0	
273	TA2512273	21810310050	Nguyễn Công	Sơn	22/05/2003	21,0	20,0	24,0	22,0	87,0	
274	TA2512274	21810430715	Phạm Minh	Sơn	09/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
275	TA2512275	21810620495	Tạ Văn	Sỹ	06/06/2003	17,0	14,0	17,0	20,0	68,0	
276	TA2512276	21810530466	Vũ Ngọc	Tài	03/06/2003	6,0	16,0	14,5	23,0	59,5	
277	TA2512277	19810310361	Đoàn Trọng	Tiến	26/10/2001	7,0	20,0	12,0	19,0	58,0	
278	TA2512278	21810620578	Nguyễn Trần	Tiến	28/07/2003	8,0	15,0	13,5	20,0	56,5	
279	TA2512279	21810110474	Nguyễn Đình Bảo	Tín	18/09/2003	12,0	16,0	11,0	21,0	60,0	
280	TA2512280	21810570449	Vũ Song	Toàn	17/06/2003	8,0	17,0	23,0	12,0	60,0	
281	TA2512281	20810310470	Nguyễn Quang	Tú	21/03/2002	13,0	16,0	15,5	19,0	63,5	
282	TA2512282	21819120175	Hà Văn	Tuấn	30/10/2003	4,0	17,0	11,0	22,0	54,0	
283	TA2512283	21810610024	Trần Hoàng	Tuấn	02/02/2003	8,0	15,0	8,5	0,0	31,5	
284	TA2512284	21810620375	Đậu Thanh	Tùng	09/12/2003	17,0	15,0	17,0	22,0	71,0	
285	TA2512285	21810620391	Lê Ngọc	Tùng	09/12/2002	14,0	18,0	15,5	17,0	64,5	
286	TA2512286	21810610076	Đặng Minh	Tuyên	03/10/2003	8,0	18,0	9,5	11,0	46,5	
287	TA2512287	21810350591	Vũ Văn	Tư	22/04/2003	15,0	17,0	26,5	18,0	76,5	
288	TA2512288	23810110125	Nguyễn Phương	Thanh	06/04/2005	11,0	15,0	9,5	10,0	45,5	
289	TA2512289	21810680415	Hoàng Hữu	Thành	23/06/2003	11,0	14,0	17,0	20,0	62,0	
290	TA2512290	21810430376	Nguyễn Tiến	Thành	16/09/2003	16,0	13,0	7,0	19,0	55,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
291	TA2512291	22819120031	Trương Huy	Thành	02/07/2004	21,0	16,0	19,0	23,0	79,0	
292	TA2512292	21810320482	Đôn Nguyên	Thắng	07/02/2003	0,0	16,0	0,0	0,0	16,0	
293	TA2512293	21810620567	Nguyễn Quốc	Thắng	18/10/2003	8,0	16,0	22,5	17,0	63,5	
294	TA2512294	21810310116	Tạ Quốc	Thắng	02/04/2003	12,0	16,0	15,5	18,0	61,5	
295	TA2512295	20810110279	Phạm Bá	Thịnh	18/07/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
296	TA2512296	21810310352	Nguyễn Thị	Thùy	14/01/2003	21,0	15,0	25,5	23,0	84,5	
297	TA2512297	21810440679	Nguyễn Nhân	Thuyên	31/03/2003	11,0	16,0	7,5	4,0	38,5	
298	TA2512298	21810230427	Vương Thị Hoài	Thương	29/10/2003	18,0	19,0	28,5	21,0	86,5	
299	TA2512299	22810820079	Hoàng Thị Huyền	Trang	08/09/2004	20,0	15,0	17,0	24,0	76,0	
300	TA2512300	21810510063	Khuong Chí	Triệu	28/10/2003	12,0	18,0	9,5	17,0	56,5	
301	TA2512301	21810250358	Nguyễn Thành	Trung	09/11/2003	20,0	15,0	13,0	22,0	70,0	
302	TA2512302	21819120123	Trần Như	Trung	02/05/2003	10,0	7,0	8,5	19,0	44,5	
303	TA2512303	22810630104	Đàm Mai Xuân	Trường	17/10/2004	5,0	10,0	14,5	15,0	44,5	
304	TA2512304	21810310501	Phan Quang	Trường	02/05/2003	8,0	7,0	7,5	10,0	32,5	
305	TA2512305	21810620491	Đồng Ngọc	Vĩ	29/04/2003	10,0	10,0	13,0	17,0	50,0	
306	TA2512306	21810410668	Hoàng Đức	Vinh	17/10/2003	19,0	15,0	15,5	20,0	69,5	
307	TA2512307	21819120178	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2003	17,0	16,0	9,5	19,0	61,5	
308	TA2512308	21819120189	Nguyễn Chí	Vũ	26/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
309	TA2512309	23810110417	Trần Văn	Vũ	01/10/2005	14,0	15,0	9,5	21,0	59,5	
310	TA2512310	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	13,0	14,0	13,0	23,0	63,0	
311	TA2512311	21810530386	Nguyễn Văn	An	22/10/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
312	TA2512312	21810710105	Chu Hoàng	Anh	15/03/2003	17,0	18,0	15,5	22,0	72,5	
313	TA2512313	23810170230	Đàm Lê Gia	Anh	11/06/2005	15,0	14,0	25,0	20,0	74,0	
314	TA2512314	21810230389	Đỗ Phương	Anh	17/03/2003	16,0	18,0	25,5	19,0	78,5	
315	TA2512315	21810710363	Mai Ngọc	Anh	17/05/2003	15,0	13,0	22,5	23,0	73,5	
316	TA2512316	21810230416	Nguyễn Đức	Anh	23/05/2003	17,0	20,0	22,5	20,0	79,5	
317	TA2512317	Thí sinh tự do	Nguyễn Minh	Anh	01/02/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
318	TA2512318	22819120166	Nguyễn Tuấn	Anh	31/01/2004	17,0	13,0	18,0	17,0	65,0	
319	TA2512319	21810230469	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	27/12/2003	22,0	15,0	12,0	15,0	64,0	
320	TA2512320	21810410169	Phạm Tuấn	Anh	09/09/2003	21,0	13,0	22,5	20,0	76,5	
321	TA2512321	21810610085	Trần Đức	Anh	28/01/2003	13,0	13,0	26,5	22,0	74,5	
322	TA2512322	21810230488	Trần Thu	Anh	02/01/2003	22,0	20,0	19,5	21,0	82,5	
323	TA2512323	21810820206	Dương Thị Ngọc	Ánh	09/02/2003	16,0	7,0	25,0	17,0	65,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
324	TA2512324	21810430598	Nguyễn Xuân	BáCh	15/05/2003	13,0	15,0	22,5	20,0	70,5	
325	TA2512325	21810440465	Ngô Diên	Bích	20/10/2003	17,0	18,0	22,5	19,0	76,5	
326	TA2512326	21810110187	Đặng Tiến	Cường	23/10/2003	21,0	20,0	25,5	20,0	86,5	
327	TA2512327	20810810124	Đào Hà	Chi	29/10/2002	16,0	18,0	23,0	9,0	66,0	
328	TA2512328	21810410130	Đặng Hữu	Chiến	09/07/2003	15,0	15,0	28,5	8,0	66,5	
329	TA2512329	21810430441	Nguyễn Văn	Chinh	03/11/2003	15,0	17,0	17,0	19,0	68,0	
330	TA2512330	19810310310	Đỗ Thị	Diễm	11/06/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
331	TA2512331	23810620082	Hoàng Anh	Dũng	10/03/2005	19,0	16,0	20,5	20,0	75,5	
332	TA2512332	21810180280	Nguyễn Lương	Dũng	12/12/2003	17,0	13,0	26,5	15,0	71,5	
333	TA2512333	21810180551	Nguyễn Tấn	Dũng	18/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
334	TA2512334	21810180376	Đoàn Văn	Duy	11/03/2003	15,0	16,0	22,5	15,0	68,5	
335	TA2512335	21810620058	Trần Khánh	Duy	24/05/2003	15,0	10,0	16,5	13,0	54,5	
336	TA2512336	21810540469	Đào Hải	Dương	09/08/2003	15,0	14,0	16,5	17,0	62,5	
337	TA2512337	21810430612	Lê Thái	Dương	25/11/2003	15,0	20,0	22,5	16,0	73,5	
338	TA2512338	21810230504	Nguyễn Quý	Dương	20/08/2003	16,0	19,0	25,0	18,0	78,0	
339	TA2512339	21810110283	Chu Vĩnh Tiến	Đạt	08/11/2003	14,0	19,0	20,5	19,0	72,5	
340	TA2512340	19810340469	Lê Viết	Đạt	12/08/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
341	TA2512341	23819150039	Nguyễn Thành	Đạt	20/02/2005	20,0	15,0	19,5	15,0	69,5	
342	TA2512342	20810310373	Phạm Văn Thành	Đạt	10/09/2002	19,0	16,0	12,0	19,0	66,0	
343	TA2512343	21810430641	Vũ Thành	Đạt	24/02/2003	15,0	19,0	19,5	16,0	69,5	
344	TA2512344	21810620033	Lê Quang	Đăng	03/12/2003	20,0	16,0	17,0	18,0	71,0	
345	TA2512345	21810410383	Nguyễn Minh	Diệp	11/03/2003	18,0	17,0	13,5	17,0	65,5	
346	TA2512346	21810430615	Nguyễn Văn	Đoàn	18/10/2003	19,0	15,0	25,5	20,0	79,5	
347	TA2512347	21810350375	Hoàng Văn	Đông	26/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
348	TA2512348	21810620493	Đỗ Huy	Đức	21/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
349	TA2512349	21810410082	Nguyễn Minh	Đức	02/10/2003	22,0	16,0	19,0	19,0	76,0	
350	TA2512350	21810620447	Nguyễn Minh	Đức	04/11/2003	9,0	16,0	3,5	13,0	41,5	
351	TA2512351	23810540090	Nguyễn Xuân	Đức	15/04/2005	8,0	16,0	18,0	13,0	55,0	
352	TA2512352	21810310406	Nguyễn Thị Kim	Giang	11/04/2002	10,0	18,0	16,5	11,0	55,5	
353	TA2512353	21810410083	Trần Tân	Hà	15/01/2003	8,0	14,0	6,0	15,0	43,0	
354	TA2512354	Thí sinh tự do	Phí Ngọc	Hải	27/09/2000	20,0	18,0	24,0	19,0	81,0	
355	TA2512355	21810180253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	06/10/2003	9,0	15,0	11,0	5,0	40,0	
356	TA2512356	20810000247	Trần Thị Thúy	Hằng	27/10/2002	10,0	16,0	13,0	6,0	45,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
357	TA2512357	Thí sinh tự do	Trần Thu	Hiền	27/01/1985	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
358	TA2512358	21810610394	Đỗ Văn	Hiệp	16/12/2003	10,0	14,0	11,0	2,0	37,0	
359	TA2512359	21810410100	Phạm Xuân	Hiệp	23/07/2003	15,0	19,0	25,0	18,0	77,0	
360	TA2512360	20810000203	Đỗ Đức	Hiếu	25/12/2002	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
361	TA2512361	21810310044	Nghiêm Thọ	Hiếu	27/12/2003	10,0	15,0	12,0	4,0	41,0	
362	TA2512362	21819120138	Nguyễn Minh	Hiếu	24/10/2003	19,0	16,0	12,0	16,0	63,0	
363	TA2512363	21810440759	Nguyễn Văn	Hiếu	12/08/2025	11,0	15,0	13,0	19,0	58,0	
364	TA2512364	21810440464	Vũ Minh	Hiếu	24/03/2003	10,0	16,0	16,5	17,0	59,5	
365	TA2512365	21810230397	Nguyễn Thị Minh	Hòa	28/12/2003	13,0	17,0	14,5	18,0	62,5	
366	TA2512366	21810180400	Nguyễn Văn	Hoàn	03/05/2003	12,0	17,0	14,5	17,0	60,5	
367	TA2512367	21810340524	Đoàn Huy	Hoàng	16/11/2003	12,0	17,0	10,5	17,0	56,5	
368	TA2512368	21810110174	Nguyễn Huy	Hoàng	25/05/2003	11,0	18,0	22,5	14,0	65,5	
369	TA2512369	21810640345	Nguyễn Phụng	Hoàng	29/10/2003	8,0	17,0	13,5	8,0	46,5	
370	TA2512370	21810310160	Vương Nguyên	Huân	22/12/2003	9,0	17,0	16,5	1,0	43,5	
371	TA2512371	21810110037	Đặng Xuân	Hùng	12/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
372	TA2512372	21810310361	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/12/2003	14,0	20,0	25,0	8,0	67,0	
373	TA2512373	20810110182	Trần Văn	Hùng	01/09/2002	7,0	17,0	21,5	11,0	56,5	
374	TA2512374	21810410420	Đào Quang	Huy	04/11/2003	4,0	14,0	15,5	17,0	50,5	
375	TA2512375	21810310585	Lê Ngọc	Huy	01/01/2003	10,0	18,0	21,5	19,0	68,5	
376	TA2512376	21810320474	Nguyễn Đức	Huy	14/11/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
377	TA2512377	2382119001	Nguyễn Quang Thái	Huy	20/09/1994	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
378	TA2512378	18810310496	Trịnh Nhật	Huy	21/11/2000	3,0	18,0	22,5	16,0	59,5	
379	TA2512379	21810810215	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	31/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
380	TA2512380	21810320469	Đồng Văn	Hưng	25/01/2002	10,0	16,0	18,0	16,0	60,0	
381	TA2512381	21810110034	Ngô Phan Việt	Hưng	06/11/2003	12,0	17,0	25,5	16,0	70,5	
382	TA2512382	21810410162	Nguyễn Việt	Hưng	20/07/2003	12,0	13,0	21,5	18,0	64,5	
383	TA2512383	21810310454	Trần Tiến	Hưng	06/05/2003	19,0	19,0	20,5	19,0	77,5	
384	TA2512384	21810340663	Lê Duy	Kiên	26/08/2003	5,0	18,0	19,5	16,0	58,5	
385	TA2512385	23810310288	Nguyễn Trung	Kiên	25/02/2005	5,0	15,0	14,5	17,0	51,5	
386	TA2512386	21810110077	Ngô Bảo	Khanh	13/04/2003	8,0	14,0	18,0	12,0	52,0	
387	TA2512387	21810680491	Đoàn Duy	Khánh	07/01/2003	13,0	14,0	15,5	19,0	61,5	
388	TA2512388	20810620136	Nguyễn Đình	Khánh	19/06/2002	12,0	14,0	11,0	5,0	42,0	
389	TA2512389	21810610033	Trần Trọng	Khánh	12/08/2003	11,0	11,0	18,0	13,0	53,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
390	TA2512390	23810620078	Phạm Bách	Khoa	05/05/2005	12,0	15,0	19,0	11,0	57,0	
391	TA2512391	21810410029	Nguyễn Phúc	Lâm	21/04/2003	10,0	18,0	12,0	11,0	51,0	
392	TA2512392	21810340427	Vũ Vương	Lâm	18/09/2003	9,0	18,0	18,0	12,0	57,0	
393	TA2512393	23810710102	Nguyễn Thị Diệu	Lê	15/06/2005	9,0	15,0	13,5	15,0	52,5	
394	TA2512394	21810680399	Phạm Quang	Linh	06/06/2003	8,0	18,0	16,5	8,0	50,5	
395	TA2512395	21810820139	Vũ Thị Bích	Loan	11/05/2003	12,0	14,0	12,0	18,0	56,0	
396	TA2512396	21810110424	Đặng Nhật	Long	04/11/2003	16,0	14,0	23,0	17,0	70,0	
397	TA2512397	21810610379	Nguyễn Văn	Long	15/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
398	TA2512398	21810170401	Phí Duy	Long	09/03/2003	14,0	14,0	0,0	17,0	45,0	VPQC kỹ năng đọc
399	TA2512399	21810610408	Trần Văn An	Lộc	16/01/2003	17,0	17,0	21,5	11,0	66,5	
400	TA2512400	21810310645	Trần Thị	Lương	05/05/2003	16,0	17,0	19,5	10,0	62,5	
401	TA2512401	21810310140	Bùi Đức	Mạnh	04/10/2003	15,0	17,0	24,0	11,0	67,0	
402	TA2512402	21810230062	Phùng Quang	Mạnh	12/03/2003	14,0	18,0	22,5	10,0	64,5	
403	TA2512403	21810310095	Lại Quang	Minh	01/03/2003	8,0	16,0	23,0	12,0	59,0	
404	TA2512404	21810310422	Nguyễn Đức	Minh	23/10/2003	11,0	17,0	20,5	20,0	68,5	
405	TA2512405	20810510068	Nguyễn Vũ	Minh	31/08/2002	14,0	13,0	20,5	14,0	61,5	
406	TA2512406	21810310112	Phùng Văn Nhật	Minh	16/07/2003	4,0	18,0	20,5	14,0	56,5	
407	TA2512407	21810310341	Trịnh Gia	Minh	30/12/2003	11,0	17,0	13,5	14,0	55,5	
408	TA2512408	21810310552	Nguyễn Tiến	Mùi	25/12/2003	0,0	17,0	0,0	0,0	17,0	
409	TA2512409	21810510086	Đỗ Thành	Nam	02/09/2003	10,0	17,0	22,5	11,0	60,5	
410	TA2512410	21810820320	Phạm Gia	Nam	31/07/2003	19,0	14,0	17,0	16,0	66,0	
411	TA2512411	1781420126	Nguyễn Tiến	Nghĩa	26/04/1999	9,0	15,0	22,5	17,0	63,5	
412	TA2512412	21810230399	Nguyễn Thị	Ngọc	30/08/2003	16,0	18,0	21,5	10,0	65,5	
413	TA2512413	22810430081	Lê Bá	Nguyên	24/01/2004	16,0	15,0	27,5	17,0	75,5	
414	TA2512414	21810230476	Mai Thị Thanh	Nhài	07/09/2002	20,0	19,0	19,0	20,0	78,0	
415	TA2512415	20810110196	Nguyễn Phú	Nhật	10/05/2002	13,0	16,0	20,5	14,0	63,5	
416	TA2512416	21810430456	Lê Quang	Phong	15/08/2003	19,0	17,0	24,0	19,0	79,0	
417	TA2512417	21810630017	Trần Tiến	Phong	19/04/2003	20,0	16,0	29,0	13,0	78,0	
418	TA2512418	19810310126	Phan Minh	Phúc	08/03/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
419	TA2512419	21810110098	Phạm Mai Minh	Phương	21/11/2003	19,0	17,0	30,0	20,0	86,0	
420	TA2512420	21810430429	Lại Minh	Quang	11/11/2003	14,0	18,0	30,0	18,0	80,0	
421	TA2512421	21810620484	Nguyễn Nam	Quang	30/10/2003	19,0	14,0	21,5	17,0	71,5	
422	TA2512422	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	16,0	15,0	19,0	8,0	58,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
423	TA2512423	21810620002	Nguyễn Hữu	Quân	19/06/2003	17,0	14,0	20,5	10,0	61,5	
424	TA2512424	21819150373	Lê Văn	Quý	18/07/2003	18,0	10,0	21,5	18,0	67,5	
425	TA2512425	21810440702	Nguyễn Huy	Quý	13/11/2003	15,0	18,0	18,0	19,0	70,0	
426	TA2512426	21810180333	Vũ Văn	Quý	12/08/2003	9,0	16,0	27,5	17,0	69,5	
427	TA2512427	21810710395	Lê Diễm	Quỳnh	09/02/2003	17,0	15,0	12,0	12,0	56,0	
428	TA2512428	21810620550	Dương Thế	Sơn	27/05/2003	15,0	16,0	24,0	15,0	70,0	
429	TA2512429	21810310188	Nguyễn Hồng	Sơn	10/05/2003	16,0	19,0	29,0	17,0	81,0	
430	TA2512430	21810310408	Phan Hải	Sơn	22/04/2003	15,0	16,0	12,0	17,0	60,0	
431	TA2512431	23810310296	Lê Đức	Tài	06/10/2005	13,0	16,0	25,0	14,0	68,0	
432	TA2512432	21810620500	Nguyễn Công	Tạn	24/09/2003	14,0	17,0	15,5	5,0	51,5	
433	TA2512433	21810310395	Đỗ Ngọc	Tiến	17/01/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
434	TA2512434	18810430187	Nguyễn Văn	Tiến	09/10/2000	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
435	TA2512435	21810110095	Phạm Văn	Tĩnh	03/02/2003	15,0	16,0	19,0	19,0	69,0	
436	TA2512436	21810610021	Chu Quang	Tú	15/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
437	TA2512437	21810310094	Phạm Ngọc	Tú	09/02/2003	16,0	15,0	27,5	13,0	71,5	
438	TA2512438	21810620027	Lê Giáp	Tuân	08/06/2003	19,0	16,0	26,5	16,0	77,5	
439	TA2512439	21810180379	Vũ Văn	Tuân	25/10/2003	5,0	15,0	14,5	13,0	47,5	
440	TA2512440	21810410755	Đỗ Sơn	Tùng	24/09/2003	16,0	16,0	18,0	17,0	67,0	
441	TA2512441	21810110209	Nguyễn Ngọc	Tùng	26/10/2002	5,0	15,0	0,0	5,0	25,0	
442	TA2512442	Thí sinh tự do	Hoàng Thanh	Tuyền	10/12/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
443	TA2512443	Thí sinh tự do	Chu Hoàng	Tường	22/05/2001	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
444	TA2512444	23810710108	Phạm Thị	Thanh	08/11/2005	19,0	16,0	9,5	17,0	61,5	
445	TA2512445	23810170398	Lại Quang	Thành	30/06/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
446	TA2512446	23810170382	Nguyễn Tuấn	Thành	08/07/2005	17,0	12,0	0,0	17,0	46,0	
447	TA2512447	21819150378	Cao Trần Phương	Thảo	21/10/2003	20,0	18,0	19,0	17,0	74,0	
448	TA2512448	21810430572	Hoàng Đức	Thắng	09/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
449	TA2512449	21810310364	Nguyễn Thế	Thắng	14/11/2003	19,0	12,0	15,5	3,0	49,5	
450	TA2512450	23819150040	Dương Đức	Thế	14/02/2005	19,0	17,0	18,0	12,0	66,0	
451	TA2512451	21810610474	Nguyễn Tất	Thông	31/08/2001	20,0	16,0	10,5	14,0	60,5	
452	TA2512452	21810310194	Nguyễn Xuân	Thủy	27/07/2003	18,0	17,0	20,5	20,0	75,5	
453	TA2512453	23810170385	Nguyễn Đình	Thuyết	16/10/2005	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
454	TA2512454	21810710195	Tổng Thanh	Trà	13/08/2002	5,0	0,0	13,0	11,0	29,0	
455	TA2512455	19810110367	Ngô Nam Thủy	Trang	30/12/2001	15,0	20,0	22,5	14,0	71,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
456	TA2512456	21810410509	Lưu Đình	Trung	13/10/2003	12,0	16,0	30,0	14,0	72,0	
457	TA2512457	21810620409	Phạm Nguyễn Thế	Trung	13/11/2003	8,0	17,0	15,5	8,0	48,5	
458	TA2512458	21810430622	Vũ Tiến	Trung	17/12/2003	17,0	18,0	25,5	21,0	81,5	
459	TA2512459	21810310105	Đào Xuân	Trường	26/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
460	TA2512460	21810610494	Tô Ngọc	Trường	18/08/2003	20,0	16,0	9,5	19,0	64,5	
461	TA2512461	21810660393	Đỗ Duy	Việt	24/09/2003	17,0	17,0	29,0	20,0	83,0	
462	TA2512462	21810430704	Lê Văn	Vinh	05/10/2003	15,0	16,0	18,0	19,0	68,0	
463	TA2512463	21810620057	Lê Văn	Vũ	28/04/2003	10,0	17,0	20,5	8,0	55,5	
464	TA2512464	21819120148	Nguyễn Xuân	Vũ	07/10/2003	13,0	15,0	25,0	13,0	66,0	
465	TA2512465	21810550388	Phan Tiến	Vượng	26/09/2003	12,0	18,0	18,0	18,0	66,0	
466	TA2512466	21810110139	Nguyễn Thành	An	21/12/2003	14,0	16,0	0,0	6,0	36,0	
467	TA2512467	19810510011	Phan Trường	An	26/04/2001	22,0	13,0	20,5	9,0	64,5	
468	TA2512468	21810310534	Dương Đức	Anh	07/10/2003	22,0	14,0	28,5	15,0	79,5	
469	TA2512469	21810310178	Đặng Đình Việt	Anh	11/08/2003	18,0	17,0	24,0	21,0	80,0	
470	TA2512470	22819120098	Hà Nam	Anh	14/11/2004	17,0	10,0	14,5	19,0	60,5	
471	TA2512471	21810310372	Nông Ngọc Hoàng	Anh	24/04/2003	16,0	17,0	22,5	19,0	74,5	
472	TA2512472	21810230438	Nguyễn Đức	Anh	12/04/2003	21,0	19,0	21,5	19,0	80,5	
473	TA2512473	21810310444	Nguyễn Nam	Anh	30/01/2003	15,0	16,0	20,5	14,0	65,5	
474	TA2512474	21810310192	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/11/2003	8,0	18,0	18,0	16,0	60,0	
475	TA2512475	21810230489	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	01/05/2003	19,0	12,0	28,5	17,0	76,5	
476	TA2512476	21810310596	Phạm Tuấn	Anh	13/06/2003	13,0	20,0	23,0	13,0	69,0	
477	TA2512477	21810350360	Trần Đức	Anh	07/12/2003	18,0	12,0	23,0	9,0	62,0	
478	TA2512478	21810110044	Trịnh Hoàng	Anh	01/09/2003	18,0	15,0	29,0	19,0	81,0	
479	TA2512479	21810250453	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18/08/2003	15,0	12,0	13,5	17,0	57,5	
480	TA2512480	21810110482	Đặng Gia	Bảo	17/07/2003	18,0	12,0	23,0	16,0	69,0	
481	TA2512481	21810610081	Nguyễn Ngọc	Biển	06/02/2003	22,0	9,0	27,5	17,0	75,5	
482	TA2512482	21810430480	Nguyễn Đình	Cường	06/12/2003	24,0	14,0	25,5	17,0	80,5	
483	TA2512483	20810230037	Phạm Hoàng Đan	Chi		23,0	16,0	11,0	18,0	68,0	
484	TA2512484	19810310413	Nguyễn Đức	Chiến	23/09/2001	24,0	14,0	25,0	19,0	82,0	
485	TA2512485	21810680466	Đào Quốc	Chung	22/05/2003	21,0	13,0	27,5	20,0	81,5	
486	TA2512486	19810310643	Nguyễn Văn	Doanh	24/11/2001	17,0	10,0	18,0	17,0	62,0	
487	TA2512487	21810620399	Hoàng Đức	Dũng	16/07/2003	17,0	17,0	21,5	17,0	72,5	
488	TA2512488	23810410242	Nguyễn Mạnh	Dũng	15/05/2005	13,0	12,0	21,5	18,0	64,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
489	TA2512489	21810430462	Nguyễn Việt	Dũng	13/01/2003	18,0	14,0	16,5	18,0	66,5	
490	TA2512490	21810320491	Đỗ Ngọc	Duy	29/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
491	TA2512491	21810310407	Trần Nhật	Duy	11/12/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
492	TA2512492	21810550532	Đặng Bình	Dương	18/07/2003	21,0	9,0	19,0	19,0	68,0	
493	TA2512493	21810310028	Nguyễn Duy	Dương	15/11/2003	19,0	19,0	16,5	20,0	74,5	
494	TA2512494	21810430723	Phạm Huy	Đại	10/11/2003	16,0	13,0	15,5	17,0	61,5	
495	TA2512495	19810310586	Đặng Tuấn	Đạt	09/04/2001	19,0	12,0	21,5	19,0	71,5	
496	TA2512496	21810540415	Nguyễn Cảnh	Đạt	29/08/2003	19,0	15,0	26,5	19,0	79,5	
497	TA2512497	19810230024	Nguyễn Văn Thành	Đạt	30/10/2001	24,0	0,0	20,5	19,0	63,5	
498	TA2512498	19810000152	Tô Tiến	Đạt	16/01/2001	24,0	16,0	11,0	18,0	69,0	
499	TA2512499	21810110144	Vũ Thành	Đạt	25/08/2003	0,0	13,0	0,0	0,0	13,0	
500	TA2512500	21810310162	Nguyễn Hải	Đăng	09/06/2003	24,0	16,0	20,5	19,0	79,5	
501	TA2512501	20819110081	Nguyễn Xuân	Diệp	03/02/2002	20,0	10,0	11,0	19,0	60,0	
502	TA2512502	21810340627	Phạm Hoàng	Đoàn	02/09/2003	20,0	13,0	18,0	17,0	68,0	
503	TA2512503	19810310192	Nguyễn Văn	Đông	06/04/2001	21,0	16,0	15,5	15,0	67,5	
504	TA2512504	20810110156	Hà Minh	Đức	01/07/2002	16,0	17,0	14,5	17,0	64,5	
505	TA2512505	21810620001	Nguyễn Minh	Đức	10/05/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
506	TA2512506	20810420053	Nguyễn Minh	Đức	23/08/2002	17,0	20,0	25,0	8,0	70,0	
507	TA2512507	21810170405	Phạm Hoàng	Đức	28/08/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
508	TA2512508	21810310613	Nguyễn Thị Trà	Giang	05/11/2003	15,0	15,0	23,0	14,0	67,0	
509	TA2512509	21810610026	Dương Thành	Hải	20/10/2002	11,0	7,0	12,0	15,0	45,0	
510	TA2512510	21810620557	Phùng Ngọc	Hải	31/10/2003	8,0	9,0	11,0	0,0	28,0	
511	TA2512511	21810340562	Phạm Thị	Hạnh	02/08/2003	5,0	10,0	8,5	14,0	37,5	
512	TA2512512	23810220018	Võ Thị Thanh	Hằng	16/09/2005	13,0	11,0	30,0	2,0	56,0	
513	TA2512513	23810710088	Trịnh Thu	Hiền	29/07/2005	13,0	17,0	14,5	16,0	60,5	
514	TA2512514	21810110288	Nguyễn Trọng	Hiệp	24/05/2003	9,0	13,0	10,5	13,0	45,5	
515	TA2512515	21810230052	Vũ Tuấn	Hiệp	18/08/2023	9,0	17,0	25,0	16,0	67,0	
516	TA2512516	20810000103	Hà Đình	Hiếu	11/08/1999	17,0	19,0	22,5	19,0	77,5	
517	TA2512517	21810310031	Ngô Minh	Hiếu	22/05/2003	17,0	18,0	23,0	19,0	77,0	
518	TA2512518	21810410551	Nguyễn Minh	Hiếu	11/07/2003	9,0	8,0	0,0	4,0	21,0	
519	TA2512519	21810540427	Phạm Dương	Hiếu	05/10/2003	9,0	8,0	0,0	1,0	18,0	
520	TA2512520	21810310156	Lê Thị Quỳnh	Hoa	01/05/2003	14,0	9,0	12,0	4,0	39,0	
521	TA2512521	21810110486	Vũ Ngọc	Hòa	24/11/2003	12,0	8,0	10,5	10,0	40,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
522	TA2512522	21810350440	Cần Đình Huy	Hoàng	20/10/2003	10,0	16,0	18,0	18,0	62,0	
523	TA2512523	20810410051	Lê Việt	Hoàng	12/12/2002	8,0	15,0	11,0	17,0	51,0	
524	TA2512524	21810630005	Nguyễn Hữu	Hoàng	09/03/2003	16,0	8,0	0,0	0,0	24,0	
525	TA2512525	21810310035	Phạm Việt	Hoàng	16/09/2003	13,0	14,0	15,5	4,0	46,5	
526	TA2512526	21810430625	Nguyễn Đình	Huân	29/10/2003	12,0	15,0	22,5	19,0	68,5	
527	TA2512527	21810320447	Lê Việt	Hùng	15/05/2003	8,0	14,0	19,5	19,0	60,5	
528	TA2512528	21810240364	Nguyễn Việt	Hùng	23/11/2003	15,0	14,0	19,5	19,0	67,5	
529	TA2512529	21810310502	Đàm Quốc	Huy	15/10/2003	16,0	12,0	21,5	17,0	66,5	
530	TA2512530	21810620446	Hoàng Ngọc	Huy	27/12/2003	14,0	13,0	27,5	14,0	68,5	
531	TA2512531	21810430747	Lưu Văn	Huy	22/12/2003	14,0	9,0	28,5	8,0	59,5	
532	TA2512532	21810610006	Nguyễn Gia	Huy	12/03/2003	12,0	10,0	13,0	3,0	38,0	
533	TA2512533	21810620532	Phan Lê	Huy	21/07/2003	15,0	19,0	19,5	17,0	70,5	
534	TA2512534	20810160482	Vũ Quang	Huy	23/08/1999	14,0	15,0	16,5	15,0	60,5	
535	TA2512535	21810310423	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/06/2003	14,0	20,0	19,5	17,0	70,5	
536	TA2512536	21810310068	Giang Văn	Hưng	19/12/2003	15,0	18,0	19,5	16,0	68,5	
537	TA2512537	21819150369	Nguyễn Quốc	Hưng	05/05/2003	15,0	11,0	30,0	17,0	73,0	
538	TA2512538	21810110132	Phan Hùng Tiến	Hưng	28/12/2003	14,0	10,0	19,5	5,0	48,5	
539	TA2512539	21810430569	Vũ Ngọc	Hưng	02/08/2003	13,0	13,0	10,5	8,0	44,5	
540	TA2512540	21810310072	Lương Trung	Kiên	30/09/2003	16,0	16,0	19,0	19,0	70,0	
541	TA2512541	21810110201	Phùng Minh	Kiên	13/09/2003	15,0	9,0	16,5	12,0	52,5	
542	TA2512542	21810670321	Nguyễn Văn	Khanh	02/12/2003	15,0	14,0	15,5	8,0	52,5	
543	TA2512543	21810510038	Lê Đình	Khánh	03/10/2003	15,0	12,0	16,5	10,0	53,5	
544	TA2512544	21819120195	Nguyễn Văn	Khánh	15/01/2003	15,0	11,0	0,0	6,0	32,0	
545	TA2512545	21810430597	Trần Văn	Khánh	01/10/2003	12,0	10,0	0,0	1,0	23,0	
546	TA2512546	21810540524	Trần Đăng	Khoa	19/12/2003	8,0	17,0	20,5	20,0	65,5	
547	TA2512547	21810680484	Nguyễn Tùng	Lâm	24/08/2003	4,0	7,0	0,0	0,0	11,0	
548	TA2512548	23810680116	Lại Tiến	Lập	18/01/2005	9,0	8,0	0,0	1,0	18,0	
549	TA2512549	21810170427	Đình Hải	Linh	25/04/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
550	TA2512550	21810310338	Trịnh Phương	Linh	23/11/2003	5,0	13,0	28,5	16,0	62,5	
551	TA2512551	18810310437	Bùi Thành	Long	19/06/2000	16,0	17,0	24,0	19,0	76,0	
552	TA2512552	21810180390	Lê Hoàng	Long	11/01/2003	13,0	10,0	13,0	2,0	38,0	
553	TA2512553	20810110302	Nguyễn Văn	Long	20/08/2002	14,0	7,0	0,0	2,0	23,0	
554	TA2512554	21810170418	Nguyễn Văn	Lộc	21/09/2003	17,0	15,0	17,0	19,0	68,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
555	TA2512555	23810110394	Bạch Quang	Lợi	16/10/2005	15,0	12,0	13,0	17,0	57,0	
556	TA2512556	23810110467	Nguyễn Văn	Lượng	31/03/2002	15,0	1,0	10,5	3,0	29,5	
557	TA2512557	21810540387	Đỗ Đình	Mạnh	14/07/2003	17,0	13,0	11,0	19,0	60,0	
558	TA2512558	21810230429	Trần Quang	Mạnh	19/11/2003	20,0	18,0	19,5	22,0	79,5	
559	TA2512559	21810410475	Nguyễn Duy	Minh	29/09/2003	11,0	13,0	16,5	19,0	59,5	
560	TA2512560	21810640292	Nguyễn Hữu	Minh	03/10/2003	14,0	8,0	9,5	5,0	36,5	
561	TA2512561	21810560501	Phạm Bá	Minh	12/09/2003	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
562	TA2512562	21810000394	Trần Hoàng	Minh	29/10/2003	19,0	19,0	25,0	18,0	81,0	
563	TA2512563	21810310476	Trương Hữu	Minh	10/09/2003	14,0	12,0	9,5	19,0	54,5	
564	TA2512564	21810410109	Bùi Văn	Nam	01/02/2003	14,0	15,0	19,0	19,0	67,0	
565	TA2512565	21810340461	Nguyễn Đức	Nam	04/04/2003	12,0	14,0	25,5	19,0	70,5	
566	TA2512566	21810340628	Vũ Hải	Nam	18/10/2003	8,0	9,0	19,0	19,0	55,0	
567	TA2512567	23810230239	Đào Thị Hồng	Ngọc	19/10/2005	8,0	14,0	16,5	8,0	46,5	
568	TA2512568	23810220031	Phạm Thị Bích	Ngọc	12/12/2005	16,0	17,0	18,0	17,0	68,0	
569	TA2512569	21810620012	Phan Bình	Nguyên	03/10/2003	17,0	19,0	22,5	19,0	77,5	
570	TA2512570	20810710346	Vũ Thị	Nhài	12/09/2002	17,0	9,0	12,0	16,0	54,0	
571	TA2512571	21810310594	Lê Hồng	Phi	08/07/2003	6,0	7,0	0,0	0,0	13,0	
572	TA2512572	21819100004	Nguyễn Hữu	Phong	13/01/2003	20,0	11,0	14,5	13,0	58,5	
573	TA2512573	21810340520	Bùi Quý	Phúc	24/10/2003	15,0	12,0	5,0	8,0	40,0	
574	TA2512574	21810610458	Lê Văn	Phương	07/02/2003	5,0	15,0	15,5	14,0	49,5	
575	TA2512575	23810170166	Phạm Minh	Phương	17/01/2005	8,0	9,0	14,5	11,0	42,5	
576	TA2512576	19810310166	Nguyễn Đình	Quang	23/12/2001	13,0	12,0	6,0	14,0	45,0	
577	TA2512577	21810410033	Nguyễn Ngọc	Quang	18/07/2003	18,0	10,0	10,5	12,0	50,5	
578	TA2512578	21810680400	Tăng Bá	Quang	04/09/2025	5,0	13,0	17,0	17,0	52,0	
579	TA2512579	21810310636	Nguyễn Minh	Quân	01/10/2003	11,0	9,0	0,0	2,0	22,0	
580	TA2512580	21819150370	Mai Đức	Quý	12/05/2003	13,0	14,0	13,5	2,0	42,5	
581	TA2512581	21810430390	Nguyễn Ngọc	Quý	30/10/2003	11,0	9,0	0,0	2,0	22,0	
582	TA2512582	21810110368	Nguyễn Đình	Quyền	29/08/2003	15,0	11,0	12,0	15,0	53,0	
583	TA2512583	20810820105	Phạm Thị	Quỳnh	15/02/2002	15,0	13,0	20,5	17,0	65,5	
584	TA2512584	21810310332	Đỗ Xuân	Sơn	05/08/2003	12,0	18,0	19,0	19,0	68,0	
585	TA2512585	21810310543	Nguyễn Hữu	Sơn	23/08/2003	16,0	16,0	25,5	21,0	78,5	
586	TA2512586	21810410484	Vũ Thế	Sơn	02/12/2003	15,0	9,0	7,5	19,0	50,5	
587	TA2512587	21810620524	Nguyễn Đức	Tài	09/11/2003	12,0	12,0	12,0	19,0	55,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
588	TA2512588	21810310492	Lại Thị	Tâm	08/06/2003	14,0	10,0	25,5	19,0	68,5	
589	TA2512589	21810610070	Lương Đức	Tiến	26/06/2003	12,0	12,0	17,0	21,0	62,0	
590	TA2512590	21810170387	Vũ Minh	Tiến	12/01/2003	19,0	15,0	18,0	21,0	73,0	
591	TA2512591	21810110036	Dương Đức	Toàn	11/08/2003	14,0	16,0	30,0	19,0	79,0	
592	TA2512592	21810170426	Dương Ngọc	Tú	29/10/2003	12,0	16,0	23,0	20,0	71,0	
593	TA2512593	21810110568	Dương Công	Tuân	21/02/2001	17,0	15,0	17,0	20,0	69,0	
594	TA2512594	21810620427	Nguyễn Như	Tuấn	11/07/2002	13,0	11,0	22,5	20,0	66,5	
595	TA2512595	23810680140	Đào Quang Thanh	Tùng	28/11/2005	15,0	14,0	26,5	17,0	72,5	
596	TA2512596	21810310515	Lê Lâm	Tùng	17/04/2003	19,0	18,0	28,5	19,0	84,5	
597	TA2512597	19810510002	Phạm Viết Minh	Tùng	31/08/2001	4,0	8,0	16,5	19,0	47,5	
598	TA2512598	21810410116	Quách Văn	Tuyển	25/12/2003	12,0	10,0	14,5	21,0	57,5	
599	TA2512599	23810110371	Trần Đăng	Thái	26/02/2005	13,0	14,0	20,5	20,0	67,5	
600	TA2512600	21810430714	Tô Thế	Thanh	16/08/2003	8,0	11,0	25,0	13,0	57,0	
601	TA2512601	23810110160	Lê Văn	Thành	19/08/2005	16,0	10,0	18,0	21,0	65,0	
602	TA2512602	23810510123	Trần Đình	Thành	28/09/2005	13,0	14,0	24,0	19,0	70,0	
603	TA2512603	20810000489	Đinh Thị Phương	Thảo	22/04/2002	11,0	14,0	20,5	20,0	65,5	
604	TA2512604	21819120185	Lê Kim	Thắng	30/08/2003	14,0	13,0	19,5	14,0	60,5	
605	TA2512605	20810160508	Phạm Công	Thắng	14/01/2002	9,0	16,0	25,5	18,0	68,5	
606	TA2512606	21810520530	Nguyễn Hữu	Thiện	09/11/2003	11,0	18,0	25,5	19,0	73,5	
607	TA2512607	21810620494	Vũ Thiên	Thuân	16/07/2003	16,0	14,0	17,0	20,0	67,0	
608	TA2512608	21810520508	Hoàng Thu	Thủy	27/03/2003	13,0	13,0	22,5	19,0	67,5	
609	TA2512609	21810170549	Trần Thị Thanh	Thư	29/08/2003	12,0	11,0	19,0	20,0	62,0	
610	TA2512610	21810430676	Đoàn Huyền	Trang	07/02/2003	14,0	13,0	25,5	20,0	72,5	
611	TA2512611	21810850402	Trịnh Bảo	Trâm	13/03/2003	3,0	14,0	11,0	15,0	43,0	
612	TA2512612	21810230437	Nguyễn Nhật	Trung	21/11/2003	13,0	19,0	22,5	20,0	74,5	
613	TA2512613	21810310107	Phạm Quang	Trung	10/10/2003	19,0	19,0	26,5	19,0	83,5	
614	TA2512614	21810680390	Bùi Đức	Trường	20/01/2003	15,0	14,0	17,0	18,0	64,0	
615	TA2512615	23810170316	Nguyễn Công	Trường	07/12/2005	11,0	12,0	21,5	20,0	64,5	
616	TA2512616	23810000020	Đàm Thị Cẩm	Vân	08/08/2005	13,0	13,0	16,5	19,0	61,5	
617	TA2512617	21810310448	Nguyễn Quốc	Việt	12/12/2003	12,0	17,0	21,5	20,0	70,5	
618	TA2512618	21810710329	Lương Thái	Vinh	17/03/2003	7,0	13,0	13,5	9,0	42,5	
619	TA2512619	21810620588	Lưu Quang	Vũ	09/10/2003	14,0	12,0	13,0	18,0	57,0	
620	TA2512620	21810110124	Phạm Hoàng	Vũ	07/11/2003	17,0	19,0	24,0	17,0	77,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
621	TA2512621	20810000386	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	24/09/2002	14,0	13,0	25,5	19,0	71,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 621 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 65/100,

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 7/20, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.